

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-CA  
V/v tuyên truyền phương  
thức khai thác, sử dụng  
thông tin thay cho việc xuất  
trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

Thọ Xuân, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ngành UBND huyện;
- Các hội, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội cấp huyện;
- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện;
- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Tổ Công tác Đề án 06 cấp xã, thôn/khu phố.

Ngày 21/12/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 104/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Để kịp thời tổ chức, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng đến toàn thể các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện nhận thức đầy đủ, sâu sắc các nội dung cơ bản của Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ, bảo đảm sự chỉ đạo đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, các ngành, đơn vị, địa phương nhằm đáp ứng các nhiệm vụ trong triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (Đề án 06); đồng thời xác định cụ thể cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, ngành, đơn vị, địa phương trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính sử dụng 07 phương thức để khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ CCCD khi giải quyết thủ tục hành chính. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu các cơ quan, các ngành, đơn vị có liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

1. Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tập trung chỉ đạo hoàn thành và chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về các nội dung công việc phải thực hiện tại các văn bản UBND huyện đã triển khai<sup>1</sup>. Riêng đối với nội dung sử dụng thông tin công dân thay thế

---

<sup>1</sup> Công văn số 3222/UBND-VP ngày 28/10/2022 về việc đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử kèm theo tài liệu hướng dẫn sử dụng ứng dụng VNEID; Công văn số 2583/UBND-VP ngày 06/09/2022 về

sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, các đơn vị phải thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ nhằm đảm bảo thực hiện đồng bộ, thống nhất, đúng quy định của pháp luật trong việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công từ ngày 01/01/2023 trên địa bàn huyện.

2. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã, các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn huyện khi thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phải trang bị đầy đủ các thiết bị đọc QRCode hoặc thiết bị đọc chip trên thẻ Căn cước công dân gắn chip; áp dụng 07 phương thức sử dụng thông tin công dân thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (có Phụ lục kèm theo).

3. Các tổ chức chính trị - xã hội, Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch huyện tăng cường thông tin, tuyên truyền rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân về việc triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến sổ hộ khẩu, sổ tạm trú trong quá trình thi hành Luật Cư trú và Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; phổ biến các phương thức để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú trong giải quyết các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; tập trung vào các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên của cơ quan, đơn vị, hội, đoàn thể, từ đó vận động, tuyên truyền người thân trong gia đình và quần chúng nhân dân biết thực hiện. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân khi làm căn cước công dân gắn chip, cấp tài khoản định danh điện tử và kích hoạt tài khoản định danh điện tử khi nhận được tin nhắn của Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - Bộ Công an.

4. Các cơ quan, ban, ngành cấp huyện chủ trì, phối hợp Văn phòng HĐND và UBND huyện và các đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch UBND huyện công khai danh mục các thủ tục hành chính, dịch vụ công có yêu cầu nộp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú theo quy định tại Điều 14 Nghị định 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Công an huyện trong việc hướng dẫn thủ tục sử dụng các nguồn kinh phí để mua sắm thiết bị đọc QRCode hoặc thiết bị đọc chip trên thẻ Căn cước công dân gắn chip để phục vụ công tác khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

6. Thủ trưởng các cơ quan, ngành cấp huyện và UBND các xã, thị trấn bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn tại nơi tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự để giải thích cụ thể, rõ ràng cho người dân hiểu và thực hiện các thủ tục cần xuất trình giấy tờ thay thế sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, tránh gây dư luận, bức xúc trong nhân dân.

---

việc triển khai Luật Cư trú năm 2020; Công văn số 3145/UBND-CA ngày 21/10/2022 về việc triển khai thi hành Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Công văn số 3563/UBND-VP ngày 29/11/2022 về việc đẩy mạnh đăng ký kích hoạt, sử dụng “tài khoản định danh điện tử”.

7. Giao Công an huyện tiếp tục thực hiện công tác đăng ký quản lý cư trú, cấp, quản lý căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử đảm bảo 100% công dân đang cư trú trên địa bàn phải được cập nhật thông tin đầy đủ vào hệ thống quản lý, có số định danh cá nhân; trường hợp đủ điều kiện phải được cấp căn cước công dân gắn chíp; cấp, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử theo quy định. Phối hợp Văn phòng HĐND và UBND huyện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các nội dung tại Công văn này; định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện trên phạm vi toàn huyện, báo cáo UBND tỉnh, Công an tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Chủ tịch UBND huyện yêu cầu các Trưởng các phòng, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung trên; quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Công an huyện - Cơ quan thường trực Đề án 06 (Đội CS QLHC về TTXH - Công an huyện) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTr Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn.
- Lưu: VT, CA.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Hải**

## **PHỤ LỤC**

### **TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**

Các phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ Căn cước công dân gắn chip hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (Ban hành kèm theo Công văn số      /UBND-CA ngày    /02/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

#### **1. Công dân có thể sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự**

*Cơ sở pháp lý:* Theo quy định tại Điều 3 và Điều 20 Luật Căn cước công dân, căn cước công dân thể hiện thông tin cơ bản về lai lịch, nhận dạng của công dân; Thẻ Căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam có giá trị chứng minh về căn cước công dân của người được cấp thẻ để thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam; Khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đó không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin cá nhân, nơi thường trú.

*Giải pháp:*

(1) Đối với công dân: thực hiện thủ tục để được cấp thẻ Căn cước công dân. Như vậy, người dân có thể sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip là một loại giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin cá nhân, nơi thường trú khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công.

(2) Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ căn cước công dân gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Các thông tin trên mặt thẻ Căn cước công dân, gồm: Số Căn cước công dân (chính là số định danh cá nhân); Ảnh chân dung; Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; Ngày, tháng, năm hết hạn; Đặc điểm nhận dạng; Vân tay; Ngày, tháng, năm cấp thẻ; Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

#### **2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị đầu đọc mã QRcode trên thẻ Căn cước công dân đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu 5 quốc gia về dân cư để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.**

*Cơ sở pháp lý:*

(1) Điều 3 Thông tư số 06/2021/TT-BCA ngày 23/01/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD: “a) Mặt trước thẻ CCCD gồm các thông tin: ...; mã QR; b) mặt sau thẻ CCCD gồm các thông tin sau: ....; chip điện tử”.

(2) Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng hình thức sử dụng thiết bị đầu đọc mã QRCode trên thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân trong hồ sơ thủ tục hành chính.

*Giải pháp:*

Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công sử dụng thiết bị đọc mã QRcode trên thẻ căn cước công dân (theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành tại Quyết định số 46/QĐTTĐT ngày 18/01/2022 ban hành hướng dẫn yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với thiết bị đọc mã QRCode) để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân được hiển thị trên thiết bị trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ căn cước công dân gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Các thông tin trong mã QRCode được hiển thị trên thiết bị đọc mã QRCode gồm: Số CCCD; số CMND 9 số; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp CCCD.

***3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị đầu đọc chip trên thẻ Căn cước công dân đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.***

*Cơ sở pháp lý:*

(1) Điều 3 Thông tư số 06/2021/TT-BCA ngày 23/01/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ CCCD: “a) Mặt trước thẻ CCCD gồm các thông tin: ...; mã QR; b) mặt sau thẻ CCCD gồm các thông tin sau: ....; chip điện tử”.

(2) Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phải khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng hình thức sử dụng thiết bị đầu đọc chip trên thẻ Căn cước công dân gắn chip

điện tử để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân trong hồ sơ thủ tục hành chính.

*Giải pháp:*

Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước công dân (theo tiêu chuẩn ICAO) để ghi nhận và lưu trữ thông tin công dân được hiển thị trên thiết bị trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên thẻ căn cước công dân gắn chip khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Các thông tin trong chip điện tử được hiển thị trên thiết bị đọc chip gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; Số chứng minh đã được cấp; Ngày cấp; Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); Đặc điểm nhận dạng; Ảnh chân dung; Trích chọn vân tay; Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

**4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia để khai thác, sử dụng thông tin về cư trú khi giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.**

*Cơ sở pháp lý:*

(1) Theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 137/2015/NĐCP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật 7 Căn cước công dân thì Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thông qua việc kết nối, chia sẻ thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công Bộ Công an, Hệ thống thông tin một cửa cấp tỉnh hoặc khai thác bằng văn bản; Công dân khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin hoặc thông qua dịch vụ nhắn tin, cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công Bộ Công an.

(2) Theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phải tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành

chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia để giải quyết thủ tục hành chính.

*Giải pháp:*

- Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm thực hiện tra cứu, khai thác thông tin của người nộp hồ sơ qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

- Đối với công dân: Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thì yêu cầu công dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân của mình qua cổng dịch vụ công quốc gia để ghi nhận và lưu trữ thông tin về cư trú trong hồ sơ thủ tục hành chính. Công dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân của mình theo các bước sau:

+ Bước 1: Công dân truy cập Cổng dịch vụ công theo địa chỉ: <https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

+ Bước 2: Đăng nhập tài khoản/ mật khẩu truy cập (sử dụng tài khoản Cổng DVC quốc gia); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại. Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng “Thông tin công dân” và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ và tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó, nhấn Tìm kiếm. 8 Thông tin cơ bản công dân sẽ hiện thị trên màn hình gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Nơi thường trú; Số định danh cá nhân; Số chứng minh nhân dân.

**5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu thông tin cá nhân thông qua tài khoản định danh điện tử của công dân được hiển thị trong ứng dụng VNeID để sử dụng thông tin về cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công**

*Cơ sở pháp lý:*

Theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử quy định “việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân”. Theo đó, các thông tin căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch của người dân; các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp với hệ thống định danh xác thực điện tử của Bộ Công an hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo trình tự, thủ tục quy định để xác thực tài khoản định danh điện tử hoặc khai thác thông tin liên quan khi người dân có yêu cầu.

*Giải pháp :*

- Đối với công dân: Để được đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, công dân thực hiện như sau:

+ Bước 1: Công dân đến cơ quan Công an đăng ký tài khoản mức 2; thực hiện cài đặt ứng dụng VNeID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VnEID.

+ Bước 2: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau: Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên cổng dịch vụ công quốc gia (liên thông với cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương) với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin. Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VNeID trên thiết bị di động để hiển thị các thông tin căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp trên ứng dụng VNeID.

- Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: khi công dân tra cứu, xuất trình thông tin cá nhân, nơi 9 thường trú hiển thị trên ứng dụng VNeID, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ghi nhận và lưu trữ thông tin này trong hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên ứng dụng VNeID khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Các thông tin hiển thị trên ứng dụng VNeID gồm: Số CCCD; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; CCCD có giá trị đến; Đặc điểm nhận dạng; Ngày cấp, Số điện thoại.

**6. Công dân có thể sử dụng giấy Xác nhận thông tin về cư trú để chứng minh thông tin cá nhân, nơi cư trú khi không thể khai thác, sử dụng được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

*Cơ sở pháp lý:*

(1) Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 và khoản 3 Điều 33 Luật Cư trú thì công dân có quyền được cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của mình xác nhận thông tin về cư trú khi có yêu cầu;

(2) Theo quy định tại Điều 17 Thông tư 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú thì công dân yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú có thể trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân để đề nghị cấp xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú; Thời hạn giải quyết tối đa là 03 ngày làm việc.

(3) Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP

ngày 21/12/2022 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công thì trường hợp không thể khai thác được thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ quan có thẩm quyền, cán bộ công chức, viên chức được giao trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có thể yêu cầu công dân nộp bản sao hoặc xuất trình giấy xác nhận thông tin về cư trú (giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú).

*Giải pháp:*

- Đối với công dân: Để được cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú, công dân có thể trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết. Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy 10 xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân.

- Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: Khi công dân xuất trình bản sao hoặc xuất trình giấy xác nhận thông tin về cư trú thì không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ khác chứng nhận các thông tin đã có trên giấy xác nhận thông tin về cư trú khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Mẫu giấy Xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07 ban hành kèm Thông tư số 56/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an) gồm các thông tin, cụ thể: Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Nơi thường trú; Nơi tạm trú; Nơi ở hiện tại; Họ tên chủ hộ, số định danh chủ hộ và Quan hệ với chủ hộ; Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

**7. Công dân có thể sử dụng giấy Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chứng minh thông tin cá nhân, nơi cư trú khi không thể khai thác, sử dụng được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

*Cơ sở pháp lý:*

Theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân thì ngay sau khi xác lập được số định danh cá nhân cho công dân, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có văn bản thông báo cho công dân về số định danh cá nhân đã được xác lập và các thông tin của công dân hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

*Giải pháp:*

Căn cứ quy định trên, Bộ Công an đã chỉ đạo thực hiện cấp Thông báo số

định danh và thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho 100% người dân chưa được cấp CCCD trên toàn quốc để người dân sử dụng giải quyết các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân. Như vậy, khi công dân xuất trình bản sao hoặc giấy Thông báo số định danh cá nhân thì không được yêu cầu công dân xuất trình thêm các giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Các thông tin trên Thông báo số định danh cá nhân: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Tình trạng hôn nhân; Nơi thường trú; Nơi ở hiện tại; Quan hệ với chủ hộ; Nhóm máu; Họ, chữ đệm và tên, của cha, mẹ; Số định danh cá nhân./.